TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST
Ngày: 14/6/2019
"V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Sỹ Hiền.
2. Ông Trịnh Duy Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A: ông Nguyễn Tiến Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-DS ngày ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam**; địa chỉ: 02 Đường L, phường I, quận O, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: ông **G** – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Agribank Chi nhánh thị xã A Đông Gia Lai; (Theo Quyết định ủy quyền số 109/NHNoAK-QĐ ngày 14/6/2019). Địa chỉ chi nhánh: 584 Q, Tổ 7, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1979; Địa chỉ đăng ký thường trú theo đơn khởi kiện: Tổ 02, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Địa chỉ đăng ký nhân khẩu thường trú hiện nay: Thôn M, xã H1, huyện H, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn:* Ông **Nguyễn Viết B**, sinh năm 1980; Địa chỉ đăng ký thường trú theo đơn khởi kiện: Tổ 02, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Địa chỉ đăng ký nhân khẩu thường trú hiện nay: Thôn M, xã H1, huyện H, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Đại diện theo ủy quyền ông G trình bày:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có cho bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 vay số tiền 150.000.000đ để mua sắm vật dụng sinh hoạt và tiêu dùng gia đình theo hợp đồng tín dụng số 0929-17/HĐTD ngày 25/5/2017, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Người thừa kế trong hợp đồng là ông Nguyễn Viết B, sinh năm 1980, là chồng của bà T và cùng địa chỉ với bà T tại Tổ 02, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Sau khi ký kết hợp đồng bà T đã trả lãi và gốc được 03 tháng, từ tháng 6/2017 đến tháng 8/2017 với tổng số tiền là 7.500.000đ, tiền lãi là 3.870.625đ, từ đó đến ngày khởi kiện bà T không trả thêm tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng Agribank đã xuống xác minh tại địa chỉ do bà T cung cấp trong hợp đồng tín dụng nhưng kết quả là bà T và ông Bảo không có mặt tại địa phương và đồng thời bà T cũng không thông báo cho Ngân hàng Agribank biết địa chỉ cư trú mới, Ngân hàng Agribank khởi kiện và lựa chọn Tòa án nhân dân thị xã A để giải quyết vụ án.

Theo thông báo của Tòa án về việc bà T và ông Bảo đã chuyển nơi đăng ký nhân khẩu thường trú đến hộ ông Nguyễn K - Thôn M, xã H1, huyện H, tỉnh Bình Định. Ngân hàng đã xuống làm việc trực tiếp với bị đơn bà T và ông Bảo nhưng vì lý do cá nhân nên bà T và ông Bảo không đồng ý đến Tòa án nhân dân thị xã A để làm việc. Tuy nhiên sau khi khởi kiện, vào ngày 09/5/2019 bà T đã trả bớt số tiền gốc 75.000.000đ, nay số tiền gốc bà T còn nợ lại Ngân hàng là 67.500.000đ, và tiền lãi tính đến ngày 14/6/2019 là 29.384.097đ.

Nay, Ngân hàng yêu cầu bà T, ông Bảo phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 97.384.097đ (trong đó số tiền gốc là 67.5000.000đ; tiền lãi trong hạn là: 27.802.500đ; lãi quá hạn là: 2.081.597đ).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn chị Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Viết B tuy được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫng vắng mặt nhiều lần nên không có văn bản trình bày ý kiến trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên Tòa đại đại diện VKSND thị xã A phát biểu ý kiến:Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.Nguyên đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ mà Bộ luật dân sự quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký và Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Nên tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điều 227 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Viết B phải trả cho nguyên đơn số tiền 97.384.097đ (trong đó số tiền gốc là 67.5000.000đ; tiền lãi trong hạn là: 27.802.500đ; lãi quá hạn là: 2.081.597đ).

Về án phí: Buộc bà T, ông Bảo phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe lời trình bày đại diện nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam khởi kiện bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; Địa chỉ đăng ký thường trú ghi trong hợp đồng và đơn khởi kiện: Tổ 02, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bà T, ông Bảo không còn cư trú tại địa chỉ nêu trên, nhưng không báo cho bên Ngân hàng biết. Như vậy đây được xem là trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Sau khi Tòa án thụ lý, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bà T, ông Bảo từ Công an thị xã A thì được biết: địa chỉ đăng ký nhân khẩu thường trú hiện nay của bà T, ông Bảo là: Thôn M, xã H1, huyện H, tỉnh Bình Định. Tuy nhiên nguyên đơn Ngân hàng vẫn yêu cầu và lựa chọn Tòa án nhân dân thị xã A tiếp tục giải quyết vụ án. Do vậy, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây gọi tắc là BLTTDS), thì đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Về việc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt: Tòa án đã triệu tập ông Bảo bà T lần thứ 02 đến tham gia phiên tòa nhưng ông Bảo, bà T vẫn cố tình vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Bảo, bà T.

Về việc thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện: Trong đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Viết B phải trả lại số tiền còn nợ gốc từ hợp đồng tín dụng là 142.500.000đ *(Một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng.)*. Tuy nhiên, sau khi bị khởi kiện, ngày 09/5/2019 bà T đã trả số tiền 75.000.000đ gốc, nay Ngân hàng chỉ yêu cầu bà T ông Bảo trả số tiền gốc còn nợ Ngân hàng là 67.500.000đ và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng vay. Xét việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, trong phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 BLTTDS, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét Hợp đồng tín dụng số 0929-17/HĐTD mà Ngân Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Viết B xác lập vào ngày 25/5/2017 thì thấy rằng: tại thời điểm giao kết các bên điều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung mà các bên giao kết trong Hợp đồng số 0929-17/HĐTD thể hiện: Ngân hàng cho bà T, ông Bảo vay số tiền 150.000.000đ, mục đích vay: mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình và sửa chữa công trình phụ, thời hạn vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh theo từng tháng, ngày trả nợ gốc và lãi là ngày 25 hàng tháng kể từ thời điểm vay cho đến khi trả hết nợ gốc; trong đó tiền gốc phải trả cố định mỗi tháng là 2.500.000đ, lãi suất vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; nếu bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bên cho vay có quyền khởi kiện để thu hồi vốn trước thời hạn.

Nội dung thỏa thuận nêu trên không vi phạm điều cấm, mức lãi mà các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và

Điều 11 Thông tư số 21/2012/TT- NHNN ngày 18/6/2012 của Ngân hàng Nhà nước, hình thức của hợp đồng đảm bảo đúng quy định tại Điều 15 của Thông tư số 21/2012/TT- NHNN ngày 18/6/2012 của Ngân hàng Nhà nước. Như vậy đã đáp ứng đầy đủ quy định về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự tại Điều 117 Bộ luật dân sự , nên Hợp đồng tín dụng số 0929-17/HĐTD có hiệu lực pháp luật, phát sinh nghĩa vụ của các bên.

Xét trong quá trình thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, bên Ngân hàng đã giải ngân số tiền 150.000.000đ cho bà T vào ngày 31/5/2017. Sau khi vay bà T đã trả lãi và gốc được 03 tháng, từ tháng 6/2017 đến tháng 8/2017 với tổng số tiền gốc là 7.500.000đ, tiền lãi là 3.870.625đ; từ đó đến khi Ngân hàng khởi kiện bà T không trả thêm tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Như vậy bà T, ông Bảo đã vi phạm nghĩa vụ quy định tại tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng mà hai bên cam kết và vi phạm nghĩa vụ được quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 17 Thông tư số 21/2012/TT-NHNN ngày 18/6/2012 của Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ là có căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 16 Thông tư số 21/2012/TT-NHNN ngày 18/6/2012 của Ngân hàng Nhà nước.

[5] Về số tiền gốc còn nợ: Trong đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải trả lại số tiền còn nợ từ hợp đồng tín dụng là 142.500.000đ *(Một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng.)*. Tuy nhiên, sau khi bị khởi kiện vào ngày 09/5/2019 bà T đã trả số tiền 75.000.000đ gốc, nay số tiền gốc bà T còn nợ lại Ngân hàng là 67.500.000đ, Nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ.

[6] Về yêu cầu trả lãi: theo hợp đồng hai bên thỏa thuận lãi suất vay trong hạn là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; Ngân hàng yêu cầu bên Bị đơn trả lãi trong hạn của khoản vay từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trong hợp đồng vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm hôm nay này 14/6/2019 tương ứng số tiền 27.802.500đ; và khoản tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền phải trả từ thời điểm 26/10/2017 đến ngày 09/5/2019 (ngày bà T thanh toán số tiền gốc 75.000.000đ) với số tiền là: 2.081.597đ; Tổng cộng số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 29.884.097đ. Yêu cầu trên của Nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận về lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, cần chấp nhận.

[7] Về Nghĩa vụ trả nợ: Trong đơn khởi kiện Ngân hàng xác định bà T là bị đơn và chồng bà T là ông Nguyễn Viết B là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy trong hợp đồng ông Nguyễn Viết B không ký tên bên vay, nhưng có tên bên người thừa kế nghĩa vụ với tư cách là chồng bà T, điều này phù hợp với Sổ hộ khẩu gia đình mà Ngân hàng cung cấp trong hồ sơ vụ án (Sổ hộ khẩu xác định ông Nguyễn Viết B là chồng của bà Nguyễn Thị T). Theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình thì: Vợ, chồng có nghĩa vụ chung về tài sản do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu thiết yếu của gia đình. Mục đích vay vốn mà bà T vay là để mua sắm vật dụng sinh hoạt và sửa chữa công trình phụ, như vậy mục đích vay là nhằm đáp ứng yêu cầu thiết yếu của gia đình. Ngân hàng đã yêu cầu ông Bảo cùng liên đới trả nợ với bà T là phù hợp.

Vì vậy, cần buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Viết B phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền tổng

cộng 97.384.097đ (trong đó số tiền gốc là 67.5000.000đ; tiền lãi trong hạn là: 27.802.500đ; lãi quá hạn là: 2.081.597đ).

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Viết B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Toà án chấp nhận là 97. 384. 097đ x 5% = 4.869.204đ.

Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 117, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2, 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, cụ thể như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Viết B phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh thị xã A Đông Gia Lai) số tiền 97.384.097đ (trong đó số tiền gốc là 67.5000.000đ; tiền lãi trong hạn là: 27.802.500đ; lãi quá hạn là: 2.081.597đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xử sơ thẩm (tức là ngày 15/6/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0929-17/HĐTD đã lập ngày 25/5/2017 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh thị xã A Đông Gia Lai) với bà Nguyễn Thị T.

- *Về án phí*: Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Viết B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.869.204đ (Bốn triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm lẻ bốn đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn -Chi nhánh thị xã A Đông Gia Lai) tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.006.749đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007157 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (14/6/2019), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Long Sơn